

## **Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 48



# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 6 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 2 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 5 năm 2010
Đăng ký thay đổi lần thứ 7	25 tháng 3 năm 2011

Hoạt động chính của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Ngô Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Bảo	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2012
Bà Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	
Ông Phạm Văn Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Viện	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đồng Xuân Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2012
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2012

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Phúc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Phạm Văn Viên  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số tham chiếu: 60859103 / 15504228

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

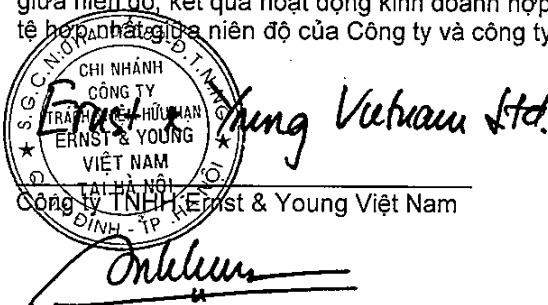
Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 48 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty hiện đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định công bố thông tin hiện hành. Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

  
CHI NHÁNH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM  
TẠI HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam  
Đ. ĐINH - TP. HÀ NỘI

Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1067/KTV

  
Trinh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0754/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>882.553.790.036</b>	<b>960.569.946.784</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>27.189.298.956</b>	<b>49.454.713.518</b>
111	1. Tiền		12.189.298.956	49.454.713.518
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>453.253.216.194</b>	<b>454.014.027.665</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	410.285.466.495	434.654.781.476
132	2. Trả trước cho người bán		53.474.187.957	22.491.920.534
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6	3.251.018.095	10.624.782.008
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.757.456.353)	(13.757.456.353)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>399.395.564.994</b>	<b>453.931.587.708</b>
141	1. Hàng tồn kho		399.684.342.024	454.220.364.738
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(288.777.030)	(288.777.030)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.715.709.892</b>	<b>3.169.617.893</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		602.448.257	161.257.061
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	1.197.905.344	1.197.905.344
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	915.356.291	1.810.455.488
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>664.063.672.022</b>	<b>586.802.604.070</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>562.094.686.617</b>	<b>495.436.356.723</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	391.859.874.210	338.337.587.633
222	Nguyên giá		664.834.930.081	581.694.640.544
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(272.975.055.871)	(243.357.052.911)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	170.234.812.407	157.098.769.090
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>77.789.583.766</b>	<b>69.658.544.766</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		668.668.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.197.083.000	69.734.712.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.600.000.000	1.600.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.676.167.234)	(1.676.167.234)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.179.401.639</b>	<b>21.707.702.581</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.659.176.707	19.187.477.649
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.520.224.932	2.520.224.932
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.546.617.462.058</b>	<b>1.547.372.550.854</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>554.408.965.172</b>	<b>626.191.011.105</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>554.408.965.172</b>	<b>626.191.011.105</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	307.296.673.553	381.309.759.058
312	2. Phải trả người bán	15	100.695.450.982	101.402.561.681
313	3. Người mua trả tiền trước		1.225.669.203	3.102.493.618
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	26.869.744.477	17.017.134.519
315	5. Phải trả người lao động		23.508.401.877	26.378.931.586
316	6. Chi phí phải trả	17	39.495.529.867	45.446.396.063
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	52.882.169.953	50.780.329.570
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	2.435.325.260	753.405.010
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>992.208.496.886</b>	<b>921.181.539.749</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>992.208.496.886</b>	<b>921.181.539.749</b>
411	1. Vốn cổ phần		433.379.960.000	433.379.960.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		347.134.076.608	175.139.331.251
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		43.337.996.000	40.208.144.516
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		168.356.464.278	272.454.103.982
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.546.617.462.058</b>	<b>1.547.372.550.854</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	-	-
2. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	27.397	1.729

  
Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Bảo

  
Tổng Giám đốc  
Phạm Văn Viện

Ngày 15 tháng 8 năm 2012



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	1.167.344.530.806	1.236.768.130.277
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(960.954.512)	(609.875.403)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.166.383.576.294	1.236.158.254.874
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(795.230.304.350)	(838.095.600.384)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		371.153.271.944	398.062.654.490
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.455.508.955	11.489.086.000
22	7. Chi phí tài chính	23	(23.420.807.697)	(42.268.335.887)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(22.679.712.076)	(10.844.329.232)
24	8. Chi phí bán hàng		(133.331.965.867)	(119.690.125.468)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(38.111.667.791)	(40.643.606.203)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		179.744.339.544	206.949.672.932
31	11. Thu nhập khác	24	909.700.675	1.430.450.989
32	12. Chi phí khác	24	(324.226.370)	(1.382.649.585)
40	13. Lợi nhuận khác	24	585.474.305	47.801.404
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		180.329.813.849	206.997.474.336
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(45.082.453.462)	(62.937.099.360)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	-	11.432.012.258
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		135.247.360.387	155.492.387.234



Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Bảo



Tổng Giám đốc  
Phạm Văn Viện

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

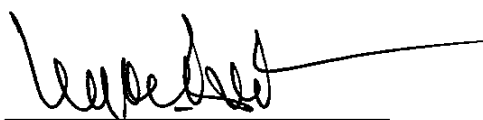
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>180.329.813.849</b>	<b>206.997.474.336</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		30.944.673.657	18.512.753.863
03	Các khoản dự phòng		-	(77.786.665)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21.2	(498.731.396)	(3.653.513.267)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.707.993.163)	(3.009.805.599)
06	Chi phí lãi vay	23	22.679.712.076	10.844.329.232
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>230.747.475.023</b>	<b>229.613.451.900</b>
09	Tăng các khoản phải thu		24.334.795.895	(27.616.520.280)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		53.536.022.714	(20.702.302.149)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(37.425.488.526)	12.592.521.296
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		(2.471.699.058)	5.523.623.543
13	Tiền lãi vay đã trả		(23.434.404.827)	(10.590.188.443)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(25.889.062.779)	(50.379.011.452)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.200.487.000)	(27.464.001.647)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>200.197.151.442</b>	<b>110.977.572.768</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(108.328.749.269)	(114.563.641.956)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	562.765.900
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(668.668.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.237.433.774	2.949.568.282
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(105.759.983.495)</b>	<b>(111.051.307.774)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		614.574.540.529	566.321.048.185
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(687.940.402.402)	(532.150.658.444)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.4	(43.337.996.000)	(43.337.996.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(116.703.857.873)</b>	<b>(9.167.606.259)</b>
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		<b>(22.266.689.926)</b>	<b>(9.241.341.265)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>49.454.713.518</b>	<b>64.618.264.464</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.275.364	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>27.189.298.956</b>	<b>55.376.923.199</b>



Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Bảo



Ngày 15 tháng 8 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 6 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 2 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 5 năm 2010
Đăng ký thay đổi lần thứ 7	25 tháng 3 năm 2011

Hoạt động chính của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 800 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 850).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Thiểu niên Tiên Phong Miền Trung ("công ty con"). Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn số 2901503027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 19 tháng 3 năm 2012 với tổng vốn điều lệ của được đăng ký là 120 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty con là:

- ▶ Sản xuất sản phẩm nhựa phục vụ dân dụng, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- ▶ Mua bán nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ ngành nhựa. Mua bán sản phẩm nhựa phục vụ dân dụng, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong có các công ty con và công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập và công bố các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập và công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đang được hoàn thành và dự kiến sẽ được công bố vào, hoặc trước, cuối tháng 8 năm 2012.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để thu thập các thông tin tổng thể và đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, công ty liên kết.

### **2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

### **2.4 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là Đồng Việt Nam (VNĐ).

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Đầu tư vào liên doanh**

Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Chi phí lương phải trả người lao động**

Chi phí lương phải trả người lao động của Công ty trong kỳ tài chính sáu tháng đầu năm được tạm trích và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa theo chi phí lương bình quân hàng tháng của năm 2011. Trong năm 2011, Công ty trích lập chi phí lương phải trả dựa theo tỷ lệ trên tổng doanh thu bán hàng được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm với tỷ lệ là 6,6%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình xây dựng phương án chi phí tiền lương và trình Hội đồng Quản trị để phê duyệt trong giai đoạn sáu tháng cuối năm 2012.

**3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho những người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng năm 2008 và dự kiến sẽ thôi việc tại Công ty trước thời điểm nghỉ hưu theo chế độ. Mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được xác định bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các kỳ trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo CMKTVN số 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo	
	CMKTVN số 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.</li> <li>- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của kỳ tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các kỳ sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.</li> </ul>

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ tài chính hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- ▶ Doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kết toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Tiền mặt	876.013.896	467.129.871
Tiền gửi ngân hàng	11.313.285.060	48.987.583.647
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.189.298.956</u></b>	<b><u>49.454.713.518</u></b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất năm là 9%.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	266.261.351.561	295.239.997.021
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	144.024.114.934	139.414.784.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>410.285.466.495</u></b>	<b><u>434.654.781.476</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.757.456.353)	(13.757.456.353)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	-	399.820.000
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	1.502.405.100	8.377.257.625
Phải thu khác	1.748.612.995	1.847.704.383
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.251.018.095</u></b>	<b><u>10.624.782.008</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Hàng mua đang đi trên đường	28.014.189.705	13.351.756.175
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	217.607.868.989	212.229.261.730
Công cụ, dụng cụ	4.875.145.445	3.379.490.687
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.035.866.286	37.376.546.924
Thành phẩm	117.151.271.599	187.883.309.222
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>399.684.342.024</u></b>	<b><u>454.220.364.738</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 2012</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 2011</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	288.777.030	819.837.480
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Thanh lý trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	<b><u>288.777.030</u></b>	<b><u>819.837.480</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Thuế nhà thầu nộp thừa theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế cho năm 2009 và 2010	<u>1.197.905.344</u>	<u>1.197.905.344</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.197.905.344</u></b>	<b><u>1.197.905.344</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Tạm ứng cho nhân viên	915.356.291	1.531.193.664
Đặt cọc mở thư tín dụng tại ngân hàng	-	279.261.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>915.356.291</u></b>	<b><u>1.810.455.488</u></b>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu kỳ	212.519.028.502	325.753.817.061	33.302.879.539	10.118.915.442	581.694.640.544
- Mua trong kỳ	2.634.572.686	-	-	-	2.634.572.686
- Phân loại lại	(2.326.726.619)	(4.023.966.795)	3.807.165.353	2.543.528.061	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.636.250.989	63.088.982.674	4.238.567.119	998.207.377	80.962.008.159
- Thanh lý, nhượng bán	-	(456.291.308)	-	-	(456.291.308)
Số dư cuối kỳ	225.463.125.558	384.362.541.632	41.348.612.011	13.660.650.880	664.834.930.081
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Số dư đầu kỳ	22.072.254.121	209.592.710.957	6.848.648.297	4.843.439.536	243.357.052.911
Khấu hao trong kỳ	7.841.906.477	18.524.273.576	2.529.388.116	1.049.105.488	29.944.673.657
Thanh lý, nhượng bán	-	(326.670.697)	-	-	(326.670.697)
Số dư cuối kỳ	29.914.160.598	227.790.313.836	9.378.036.413	5.892.545.024	272.975.055.871
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu kỳ	190.446.774.381	116.161.106.104	26.454.231.242	5.275.475.906	338.337.587.633
Số dư cuối kỳ	195.548.964.960	156.572.227.796	31.970.575.598	7.768.105.856	391.859.874.210
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp	84.608.197.847	87.721.346.936	-	-	172.329.544.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 172.329.544.783 đồng Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC và 02/HĐTC ngày 12 tháng 5 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng ngày 20 tháng 12 năm 2011 (xem Thuyết minh số 14).

Công ty đang thực hiện dự án di chuyển cơ sở sản xuất kinh doanh tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2012, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục xây lắp, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và trang thiết bị văn phòng có giá trị lần lượt là khoảng 12 tỷ đồng Việt Nam, 63 tỷ đồng Việt Nam, 4 tỷ đồng Việt Nam và 998 triệu đồng Việt Nam. Việc đầu tư vào các hạng mục xây lắp nhà xưởng và máy móc thiết bị tiếp theo đang tiếp tục được tiến hành.

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương cho Công ty thực hiện dự án xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo các công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 và đề nghị các đơn vị liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên. Theo đó, diện tích đất thuê hiện tại (32.426,7 m<sup>2</sup>) có thể sẽ được trả lại cho UBND Thành phố Hải Phòng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng và Công ty có thể phải chấm dứt quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với nhà xưởng và các công trình liên quan trên diện tích đất thuê đã nêu tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định này cũng có thể có ảnh hưởng đến việc xác định thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc trên diện tích đất thuê tại số 2, đường An Đà nêu trên. Do chưa có quyết định cụ thể của UBND Thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức di dời nhà máy, Công ty chưa thể xác định lại thời gian sử dụng hữu ích còn lại của nhà cửa và vật kiến trúc và do đó, vẫn tiếp tục trích khấu hao các hạng mục tài sản này theo thời gian từ 5 năm đến 20 năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản trên, nếu có, là không đáng kể đối với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	164.368.987.461	157.098.769.090
"Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại khu Công nghiệp Nam Cấm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	3.920.149.000	-
Dự án khác	1.945.675.946	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>170.234.812.407</u></b>	<b><u>157.098.769.090</u></b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm các chi phí xây lắp và mua sắm máy móc thiết bị liên quan đến dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh và dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại khu Công nghiệp Nam Cấm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Đầu tư vào công ty con	668.668.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	53.398.200.000	53.398.200.000
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	23.798.883.000	16.336.512.000
Đầu tư cổ phiếu dài hạn khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(1.676.167.234)</u>	<u>(1.676.167.234)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.789.583.766</u></b>	<b><u>69.658.544.766</u></b>

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

Thuyết minh số 1 trình bày các thông tin liên quan đến công ty con của Công ty tại 30 tháng 6 năm 2012.

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Phía Nam	37,78	37,78
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	49,98	49,98

*Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam*

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 9 năm 2007. Công ty liên kết này có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Đồng An II, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và mua bán các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

*Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong*

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập và hoạt động tại số 2 An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 7 năm 2004. Công ty liên kết này được thành lập sau quá trình cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Vinapac (một đơn vị trực thuộc của Công ty) theo Quyết định số 235/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2003. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao xi-măng, bao giấy các loại, màng phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.3 Đầu tư vào liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư số 032/IB.VC do Ban Đầu tư Trong nước và Nước ngoài Thủ đô Viên-chăn của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng ống nhựa và các sản phẩm chất dẻo khác. Công ty nắm 51% vốn chủ sở hữu trong Công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Vào ngày 7 tháng 2 năm 2012, Hội đồng Quản trị tại Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP đã thống nhất quyết định chuyển khoản công nợ phải thu của Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP thành vốn góp của Công ty trong liên doanh này với số tiền là 357.000 USD (tương đương với 7.462.371.000 VNĐ) căn cứ theo Biên bản Hội đồng Quản trị đề ngày 7 tháng 2 năm 2012. Cũng căn cứ theo biên bản này, đối tác trong công ty liên doanh cũng thực hiện việc góp vốn bằng tiền nhằm đảm bảo việc tăng vốn của Công ty không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của từng bên tham gia góp vốn trong Liên doanh. Vào ngày 12 tháng 3 năm 2012, Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0420 được cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

**12.4 Đầu tư cổ phiếu dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm khoản đầu tư vào 1,11% vốn cổ phần (tương ứng với 150.000 cổ phần phổ thông chưa niêm yết) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam (trước đây tên là Công ty Cổ phần Nhấp và Gỏi) và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC-PTM với 0,25% vốn cổ phần (tương ứng 1.000 cổ phần đã niêm yết).

**12.5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã lập dự phòng cho khoản đầu tư vào liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát - Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP với số tiền là 1.676.167.234 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.676.167.234 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho sản xuất	17.092.227.683	16.619.619.812
Chi phí sửa chữa tài sản	1.770.909.091	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.796.039.933	2.567.857.837
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.659.176.707</b>	<b>19.187.477.649</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	307.296.673.553	381.309.759.058
- Vay bằng đồng Việt Nam	112.336.130.191	253.388.766.676
- Vay bằng đô la Mỹ	194.960.543.362	127.920.992.382
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>307.296.673.553</b>	<b>381.309.759.058</b>

H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H  
 H

## Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

#### Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Gốc vay theo nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền	64.605.032.293	3.101.836	Các khoản vay sẽ đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2012. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	5%/năm	Toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện có và toàn bộ vật kiến trúc nằm trên diện tích đất thuê là 32.426,70 m <sup>2</sup> tại số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00024/QSDB/Q1 ngày 25/07/1994 do UBND Thành phố Hải Phòng cấp.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền	13.056.524.200	-	Các khoản vay sẽ đáo hạn đến tháng 10 năm 2012. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	12,5%/năm	Toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và vật kiến trúc của Công ty trên diện tích đất thuê tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	92.796.118.319	4.455.354	Các khoản vay đáo hạn vào tháng 7 đến tháng 11 năm 2012. Lãi sẽ được trả nửa tháng hoặc một tháng một lần.	5% - 5,8%/năm	Toàn bộ hay bất kỳ hàng hóa hay hàng tồn kho trong kho hàng hiện do Bên Thế chấp sở hữu và được ghi trong sổ sách kế toán của Bên Thế chấp và tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến các hàng hóa, hàng tồn kho đó.
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	44.496.693.000	-	Các khoản vay đáo hạn vào tháng 10 đến tháng 11 năm 2012. Lãi sẽ được trả nửa tháng hoặc một tháng một lần.	11,5%/năm	Toàn bộ hàng hóa hay hàng tồn kho của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký Hợp đồng Thế chấp cùng với các quyền và lợi ích liên quan đến các hàng tồn kho đó.
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	37.559.392.750	1.803.313	Các khoản vay đáo hạn vào tháng 7 đến tháng 10 năm 2012. Lãi sẽ được trả vào ngày nhận khoản vay những tháng sau.	5,5%/năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	24.131.928.700	-	Các khoản vay đáo hạn vào tháng 8 năm 2012. Lãi sẽ được trả vào ngày nhận khoản vay những tháng sau.	12,5%/năm	Thế chấp bằng hàng hóa trong kho của Công ty với tổng trị giá 4.000.000 USD
Ngân hàng TMCP Quân Đội	30.650.984.291	-	Các khoản vay sẽ đáo hạn đến tháng 9 năm 2012. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	12,2%/năm	Hàng tồn kho (Nguyên liệu, thành phẩm) luân chuyển, quyền đòi nợ, số dư tài khoản tiền gửi bằng VNĐ và ngoại tệ của Bên Vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Tài sản hình thành trong tương lai phát sinh theo L/C. Các tài sản và quyền tài sản khác thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý và/hoặc sở hữu của Bên vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>307.296.673.553</b>	<b>9.360.503</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	93.729.258.156	99.340.292.569
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.966.192.826	2.062.269.112
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.695.450.982</u></b>	<b><u>101.402.561.681</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Thuế giá trị gia tăng	907.290.643	4.593.937.284
Thuế xuất, nhập khẩu	739.939.081	353.787.961
Thuế thu nhập cá nhân	75.524.840	6.115.810.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	25.146.989.913	5.953.599.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.869.744.477</u></b>	<b><u>17.017.134.519</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Thưởng khuyến mại	25.382.314.898	29.232.900.110
Phải trả các nhà thầu	1.552.261.000	1.852.261.000
Phải trả chi phí vận chuyển	-	182.965.421
Trợ cấp thôi việc phải trả	12.039.728.970	12.039.728.970
Chi phí phải trả khác	521.224.999	2.138.540.562
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.495.529.867</u></b>	<b><u>45.446.396.063</u></b>

Chi phí thưởng khuyến mại được trích trước theo tỷ lệ được phê duyệt hàng tháng trên tổng doanh thu bán hàng trong kỳ và được chi trả cho các khách hàng của Công ty theo chính sách bán hàng và chiết khấu trong sáu tháng đầu năm 2012 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.667.790	-
Kinh phí công đoàn	2.910.388.615	2.287.138.673
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.249.929.000	3.983.360.000
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	1.344.888.548	1.105.266.848
Cổ tức năm 2011 phải trả cho các cổ đông (Thuyết minh số 20.1)	43.337.996.000	43.337.996.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30.300.000	66.568.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.882.169.953</u></b>	<b><u>50.780.329.570</u></b>

Các khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên được thực hiện dưới hình thức tín chấp và có lãi suất năm là 9,6% và nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Số dư đầu kỳ	753.405.010	2.830.908.002
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 20.1)	18.292.107.250	21.840.000.000
Sử dụng trong kỳ	(16.610.187.000)	(23.908.001.647)
Số dư cuối kỳ	<b><u>2.435.325.260</u></b>	<b><u>762.906.355</u></b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sau trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 :

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Số tiền</i>
Thưởng cán bộ công nhân viên do đạt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2011	12.000.000.000
Thưởng Ban Đầu tư thực hiện tốt công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011	2.150.000.000
Thưởng ban lãnh đạo và cán bộ chủ chốt do đạt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2011	108.600.000
Phúc lợi chung cho người lao động	1.120.277.000
Hỗ trợ cộng đồng và thưởng khác	1.231.310.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.610.187.000</u></b>



## Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	216.689.980.000	175.139.331.251	24.608.144.516	362.542.887.494	778.980.343.261
- Tăng vốn	216.689.980.000	-	-	(216.689.980.000)	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	155.492.387.234	155.492.387.234
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	15.600.000.000	(15.600.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.840.000.000)	(21.840.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(43.337.996.000)	(43.337.996.000)
- Thường Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.556.000.000)	(3.556.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(9.449.998)	(9.449.998)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	<b>433.379.960.000</b>	<b>175.139.331.251</b>	<b>40.208.144.516</b>	<b>217.001.848.730</b>	<b>865.729.284.497</b>
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	433.379.960.000	175.139.331.251	40.208.144.516	272.454.103.982	921.181.539.749
- Tăng vốn	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	135.247.360.387	135.247.360.387
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	171.994.745.357	3.129.851.484	(175.124.596.841)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.292.107.250)	(18.292.107.250)
- Chia cổ tức	-	-	-	(43.337.996.000)	(43.337.996.000)
- Thường Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.590.300.000)	(2.590.300.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	<b>433.379.960.000</b>	<b>347.134.076.608</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>168.356.464.278</b>	<b>992.208.496.886</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Tỷ lệ trên lợi nhuận sau thuế năm 2011</i>	<i>Số tiền</i>
Trích quỹ đầu tư phát triển	30%	78.394.745.357
Quỹ đầu tư phát triển chưa trích lập năm 2010		93.600.000.000
Trích quỹ dự phòng tài chính		3.129.851.484
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7%	18.292.107.250
Chi trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông bằng tiền đợt 1		43.337.996.000
Chi trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông bằng tiền đợt 2		43.337.996.000
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		2.028.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>282.120.696.091</u></b>

Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2012, Công ty đã thực hiện việc trích lập quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 và chi trả một phần tiền thưởng và thù lao còn lại cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 1 cho năm 2011 với tổng số tiền là 43.337.996.000 đồng Việt Nam (1.000 đồng Việt Nam/cổ phần). Thời điểm chi trả cổ tức năm 2011 (đợt 2) sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định và dự kiến vào quý 3 năm 2012.

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Vốn góp cổ đông	43.337.996	43.337.996	-	43.337.996	43.337.996	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.337.996</u></b>	<b><u>43.337.996</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>43.337.996</u></b>	<b><u>43.337.996</u></b>	<b><u>-</u></b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	433.379.960.000	216.689.980.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	216.689.980.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	<u>433.379.960.000</u>	<u>433.379.960.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b><u>43.337.996.000</u></b>	<b><u>43.337.996.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>43.337.996.000</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	43.337.996.000	43.337.996.000
Cổ tức cho năm 2010: 2.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu	-	43.337.996.000
Cổ tức cho năm 2011: 2.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu	43.337.996.000	-
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>		-
<b>Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả trong năm</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>43.337.996.000</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	43.337.996.000	43.337.996.000
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>		-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**20.5 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VNĐ</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.337.996</b>	<b>433.379.960.000</b>	<b>43.337.996</b>	<b>433.379.960.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2011: 10.000 đồng Việt Nam)

**20.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Quỹ đầu tư và phát triển	347.134.076.608	175.139.331.251
Quỹ dự phòng tài chính	43.337.996.000	40.208.144.516
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>390.472.072.608</b>	<b>215.347.475.767</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.167.344.530.806</b>	<b>1.236.768.130.277</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.167.344.530.806</i>	<i>1.236.768.130.277</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>(960.954.512)</u>	<u>(609.875.403)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.166.383.576.294</u></b>	<b><u>1.236.158.254.874</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng	<i>1.166.383.576.294</i>	<i>1.236.158.254.874</i>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	287.613.774	2.549.748.282
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.550.000.000	399.820.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.163.785	4.886.004.451
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	498.731.396	3.653.513.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.455.508.955</u></b>	<b><u>11.489.086.000</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	<u>795.230.304.350</u>	<u>838.095.600.384</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>795.230.304.350</u></b>	<b><u>838.095.600.384</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí lãi vay	22.679.712.076	10.844.329.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	741.095.621	33.545.453.489
	-	(2.121.446.834)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.420.807.697</b>	<b>42.268.335.887</b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>909.700.675</b>	<b>1.430.450.989</b>
Thu thanh lý tài sản	-	562.765.900
Kinh phí tài trợ từ các đối tác	465.238.725	
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	172.630.975	469.620.628
Thu nhập khác	271.830.975	398.064.461
<b>Chi phí khác</b>	<b>324.226.370</b>	<b>1.382.649.585</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	129.620.611	502.528.583
Điều chỉnh truy thu thuế giá trị gia tăng theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế cho năm 2009 và 2010	-	674.318.628
Chi phí khác	194.605.759	205.802.374
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>585.474.305</b>	<b>47.801.404</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	647.241.827.480	812.591.274.449
Chi phí nhân công	79.935.388.742	83.011.490.338
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	29.944.673.657	18.512.753.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.050.003.597	28.709.539.910
Chi phí chương trình khuyến mãi cho nhà phân phối	79.713.558.698	71.339.318.563
Chi phí khác	51.136.575.270	91.316.884.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>914.022.027.444</b>	<b>1.105.481.261.390</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.082.453.462	62.937.099.360
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(11.432.012.258)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.082.453.462</b>	<b>51.505.087.102</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty bắt đầu chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 30 tháng 12 năm 2004. Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005 và 2006) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong ba năm tiếp theo (năm 2007, 2008 và 2009).

Bên cạnh đó, Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 3 năm tính từ ngày cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (ngày 11 tháng 12 năm 2006), tức là các năm 2007, 2008 và 2009. Như vậy, Công ty đã áp dụng mức thuế ưu đãi miễn giảm là 100% trong việc kê khai, quyết toán thuế cho các năm 2007 và 2008.

Theo Biên bản thanh tra thuế cho năm 2007 và 2008 đề ngày 13 tháng 5 năm 2009, đoàn thanh tra của Cục thuế Thành phố Hải Phòng kết luận mức ưu đãi thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong các năm 2007 và 2008 chỉ là 50% và Công ty đã kê khai và nộp thiếu thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 với số tiền là 39.240.897.736 đồng Việt Nam. Đoàn thanh tra cũng kết luận số tiền phạt nộp chậm thuế và kê khai sai thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 là 7.909.830.287 đồng Việt Nam. Công ty đã nộp số thuế TNDN và khoản phạt thuế nêu trên cho Cục thuế Thành phố Hải Phòng trong năm 2009, và ghi nhận khoản tiền này như một khoản giảm trừ lợi nhuận giữ lại của năm 2008. Đồng thời, Công ty đã làm công văn đề xin hướng dẫn của Tổng Cục Thuế về vấn đề đã nêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Theo Công văn 2380/TC-PC đề ngày 5 tháng 7 năm 2010 do Tổng Cục Thuế gửi cho Công ty, Tổng Cục Thuế đã chấp thuận để Công ty được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là miễn 100% cho các năm 2007 và 2008. Theo đó, Cục thuế Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2018/QĐ-CT ngày 9 tháng 9 năm 2010 để hoàn lại số thuế 39.240.897.736 đồng Việt Nam bằng tiền cho Công ty. Căn cứ theo các văn bản nêu trên, Công ty đã ghi nhận khoản thuế đã nộp bổ sung cho các năm 2007 và 2008 (39.240.897.736 đồng Việt Nam) như một khoản giảm trừ chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, tại thời điểm lập các báo cáo này, Công ty chưa nhận được phản hồi từ Cục thuế thành phố Hải Phòng liên quan đến số tiền phạt thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 với số tiền là 7.909.830.287 đồng Việt Nam.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế cho kỳ hiện tại:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>180.329.813.849</b>	<b>206.997.474.336</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>570.331.064</b>	<b>74.565.846.381</b>
Các khoản phạt	11.062.195	205.802.374
Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi và trợ cấp thôi việc vượt hạn mức của cơ quan thuế	-	2.213.194.320
Khấu hao vượt mức của cơ quan thuế	289.405.591	-
Chi phí khuyến mại trích trước trên doanh thu	-	71.339.318.563
Chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh	-	807.531.124
Chi phí không được khấu trừ khác	269.863.278	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(2.550.000.000)</b>	<b>(27.064.326.660)</b>
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(2.550.000.000)	(399.820.000)
Chi phí khuyến mại trích trước đầu kỳ và đã thanh toán trong kỳ	-	(26.664.506.660)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế</b>	<b>178.350.144.913</b>	<b>254.498.994.057</b>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>178.350.144.913</b>	<b>254.498.994.057</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	45.082.453.462	63.624.748.514
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế cho năm 2009 và 2010 ban hành bởi Đoàn kiểm tra thuộc Cục thuế Thành phố Hải Phòng ngày 15 tháng 6 năm 2011	-	(687.649.154)
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ sau điều chỉnh chi phí thuế</b>	<b>45.082.453.462</b>	<b>62.937.099.360</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>5.953.599.230</b>	<b>30.548.634.740</b>
<b>Thuế TNDN đã trả trong kỳ</b>	<b>(25.889.062.779)</b>	<b>(50.379.011.452)</b>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>25.146.989.913</b>	<b>43.106.722.648</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.520.224.932	2.520.224.932	-	263.309.282
Chi phí khuyến mại trích trước	-	-	-	11.168.702.976
	<b>2.520.224.932</b>	<b>2.520.224.932</b>	-	
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</b>				<b>- 11.432.012.258</b>

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng Bán hàng Nhận cổ tức năm 2011	26.687.286.922 18.452.328.123 2.550.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng Nhận cổ tức năm 2011 Phí thuê kho	1.700.767.800 399.820.000 72.763.636
Công ty TNHH Nhựa Tiền Phong - SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp bổ sung	4.905.694.528 7.462.371.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	234.980.063.176



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng cho các bên liên quan và mua hàng từ các bên liên quan dựa trên cơ sở thương thảo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 năm 2012 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 2.239.196.568 đồng Việt Nam cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Hương Minh, một bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2011: mức dự phòng là 2.239.196.568 đồng Việt Nam). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/ (Phải trả)</i>
<b><i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)</i></b>			
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	51.109.520.012
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng	52.944.718
Công ty TNHH Hương Minh	Bên liên quan khác	Bán hàng	4.478.393.135
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	88.383.257.069
			<b>144.024.114.934</b>
<b><i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)</i></b>			
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	6.634.080.826
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền phong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	332.112.000
			<b>6.966.192.826</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lương và thưởng	5.367.672.569	7.942.835.241
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.367.672.569</b>	<b>7.942.835.241</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê đất và kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu phải ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tiếp theo	2.498.000.000	2.498.000.000

**Các cam kết liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã ký kết một số hợp đồng xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị liên quan Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng và giá trị máy móc thiết bị đầu tư cho Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Thiển niên Tiền Phong Miền Trung tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với tổng trị giá cam kết còn chưa được thực hiện lần lượt vào khoảng 31 tỷ đồng và 2,4 tỷ đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

## 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>		
USD	+370	(1.349.457.152)
VNĐ	+670	(472.766.120)
USD	-370	1.349.457.152
VNĐ	-670	472.766.120
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>		
USD	+100	(1.339.742.311)
VNĐ	+400	(356.625.784)
USD	-100	1.339.742.311
VNĐ	-400	356.625.784

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (tiếp theo)***

***Độ nhạy đối với ngoại tệ***

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá đô la Mỹ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	+1%	(1.924.713.278)
	-1%	1.924.713.278
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	+1%	(2.112.477.543)
	-1%	2.112.477.543

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty không trình bày độ nhạy về giá cổ phiếu do rủi ro về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Phải thu khách hàng***

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các công cụ tài chính khác***

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Đơn vị tính: VNĐ			
			Quá hạn nhưng không bị suy giảm < 90 ngày	91-180 ngày	180-210 ngày	> 210 ngày
Ngày 30 tháng 6 năm 2012	399.779.028.237	380.629.482.131	-	-	-	19.149.546.106
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	431.522.107.131	415.015.901.986	-	-	-	16.506.205.145

Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 với số dư dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 13.757.456.353 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>				
Các khoản vay và nợ ngắn hạn	-	307.296.673.553	-	307.296.673.553
Phải trả nhà cung cấp	100.695.450.982	-	-	100.695.450.982
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	27.455.800.897	-	27.455.800.897
Các khoản phải trả khác	-	6.627.927.295	-	6.627.927.295
	<b>100.695.450.982</b>	<b>341.380.401.745</b>	<b>-</b>	<b>442.075.852.727</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	381.309.759.058	-	381.309.759.058
Phải trả nhà cung cấp	101.402.561.681	-	-	101.402.561.681
Chi phí phải trả	-	33.406.667.093	-	33.406.667.093
Các khoản phải trả khác	-	5.155.194.897	-	5.155.194.897
	<b>101.402.561.681</b>	<b>419.871.621.048</b>	<b>-</b>	<b>521.274.182.729</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền gửi ngân hàng	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	410.285.466.495	(13.757.456.353)	434.654.781.476	(13.757.456.353)	396.528.010.142
Phải thu khác	3.251.018.095	-	10.624.782.008	-	3.251.018.095
Tài sản tài chính dài hạn khác	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-	1.600.000.000
Tiền	12.189.298.956	-	49.454.713.518	-	12.189.298.956
<b>Tổng cộng</b>	<b>442.325.783.546</b>	<b>(13.757.456.353)</b>	<b>496.334.277.002</b>	<b>(13.757.456.353)</b>	<b>428.568.327.193</b>
					<b>482.576.820.649</b>



## Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ ngắn hạn	307.296.673.553	381.309.759.058	307.296.673.553	381.309.759.058	
Phải trả nhà cung cấp	100.695.450.982	101.402.561.681	100.695.450.982	101.402.561.681	
Chi phí phải trả	27.455.800.897	33.406.667.093	27.455.800.897	33.406.667.093	
Phải trả khác	6.627.927.295	5.155.194.897	6.627.927.295	5.155.194.897	
<b>Tổng cộng</b>	<b>442.075.852.727</b>	<b>521.274.182.729</b>	<b>442.075.852.727</b>	<b>521.274.182.729</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải trả người bán, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản vay ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ do các khoản mục này có mức lãi suất thả nổi tương đương với lãi suất thị trường; và
- ▶ Đối với các chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này, giá trị hợp lý được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

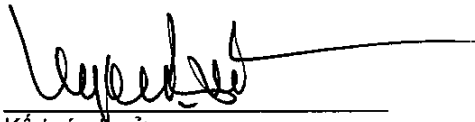
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**31. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

Theo Nghị Quyết số 30/NQ-NTP ngày 26 tháng 4 năm 2012, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã đồng thuận việc đầu tư vào Dự án Nhà máy miền Trung thông qua việc thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung với tổng vốn điều lệ là 120 tỷ đồng Việt Nam.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.



Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Bảo



Tổng Giám đốc  
Phạm Văn Viện

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

T. N. C.  
N  
M